

Số: 82/2025/QĐST- HNGĐ

Vũ Thư, ngày 26 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 105/2025/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1969

Nơi đăng ký thường trú: Thôn O, phường T, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn L, phường T, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Bà Hà Thị G, sinh năm 1983

Nơi đăng ký thường trú: Thôn O, phường T, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2025

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Xuân D và bà Hà Thị G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1 Quan hệ con chung: Ông Nguyễn Xuân D và bà Hà Thị G có 02 con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 20/11/20xx đã trưởng thành, tự lập được kinh tế và Nguyễn Hà S, sinh ngày 28/4/20xx. Ly hôn: Vợ chồng thỏa thuận giao cho bà Hà Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hà S, ông Nguyễn Xuân D cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Hà S 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 9 năm 2025 cho đến khi con Nguyễn Hà S đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Xuân D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Ông Nguyễn Xuân D và bà Hà Thị G có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

2.2 Quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Xuân D và bà Hà Thị G thống nhất:

Vợ chồng không vay nợ chung của tổ chức, các nhân nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định:

Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

+ 01 ngôi nhà 02 tầng do ông D và bà Giang xây dựng năm 2008 (xây tầng 01) và năm 2013 (xây tầng 02) trên thửa đất số x, tờ bản đồ số y, có địa chỉ tại thôn L, phường T, tỉnh Hưng Yên (trước đây là thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình), có diện tích 80m² đã được UBND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Xuân D ngày 06/01/20xx, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z/QSDĐ. Nhà, đất đang do ông D quản lý, sử dụng.

+ 01 xe tay ga SH biển kiểm soát 17B2 - 312.74 đứng tên ông Nguyễn Xuân D đang do ông D quản lý, sử dụng.

Ly hôn ông D và bà Giang thống nhất: Ông Nguyễn Xuân D có quyền sử dụng, quản lý và sở hữu đối với các tài sản sau:

+ 01 thửa đất số x, tờ bản đồ số y, diện tích 80m² có địa chỉ tại thôn L, phường T, tỉnh Hưng Yên, đã được UBND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Xuân D ngày 06/01/20xx, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z/QSDĐ.

+ 01 ngôi nhà 02 tầng là tài sản chung của ông D và bà Giang xây dựng năm 2008 (xây tầng 01) và năm 2013 (xây tầng 02) trên thửa đất số x, tờ bản đồ số y, có địa chỉ tại thôn L, phường T, tỉnh Hưng Yên;

+ 01 xe tay ga SH biển kiểm soát 17B2 -312.74 đứng tên ông Nguyễn Xuân D đang do ông D quản lý, sử dụng.

Bà Hà Thị G không còn quyền sở hữu, sử dụng đối với các tài sản: 01 ngôi nhà 02 tầng là tài sản chung của ông D và bà Giang xây dựng năm 2008 (xây tầng 01), năm 2013 (xây tầng 02) trên thửa đất số x, tờ bản đồ số y, diện tích 80m² có địa chỉ tại thôn L, phường T, tỉnh Hưng Yên và 01 xe tay ga SH biển kiểm soát 17B2 - 312.xx đứng tên ông Nguyễn Xuân D.

Ông D sẽ giao lại cho con chung Nguyễn Hà S, sinh ngày 28/4/2011 thửa đất số x, tờ bản đồ số y, diện tích 80m² có địa chỉ tại thôn L, phường T, tỉnh Hưng Yên đã được UBND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Xuân D ngày 06/01/20xx, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z/QSDĐ và 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên đất khi ông D về già. Thời điểm bàn giao lại các tài sản cho con Nguyễn Hà S do ông D

quyết định. Ông D đồng ý cho bà Giang ở lại nhà để nuôi dạy con Nguyễn Hà S cho đến khi con Nguyễn Hà S đủ 18 tuổi, tự lập được kinh tế.

Ông Nguyễn Xuân D, bà Hà Thị G cam kết: Đất, nhà và xe SH đã thỏa thuận như nêu trên không có tranh chấp với tổ chức, cá nhân nào và không phải là tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ đối với bên thứ ba nào và ông D, bà Giang chưa có định đoạt gì đối với các tài sản này trước khi có biên bản ghi nhận sự thỏa thuận.

Ông Nguyễn Xuân D, bà Hà Thị G thống nhất với việc ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 bộ bàn ghế salong bằng gỗ, trị giá 15.000.000đồng và khoản 680.000.000đồng tiền tiết kiệm do bà G đứng tên gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn T và Ngân hàng P theo nội dung đơn khởi kiện của ông D gửi Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hưng Yên ngày 23/7/2025.

2.3. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân D tự nguyện nộp cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001xxx ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, ông D được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên;
- VKSND khu vực 5 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên
(trước đây UBND xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình);
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu HCTP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)